

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 4 - 2026

V/v hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thử - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 29A/2026/QĐ – HPT ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 01/2026/TB - TA ngày 08/4/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H1** sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn S, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 034190002245

- Bị đơn: Anh **Vũ Quang H2**, sinh năm 1992;

Số CCCD: 001092050483

Nơi thường trú: Thôn H, xã B, Thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú: Thôn S, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Nơi làm việc: Công ty giày Đ; địa chỉ xã Q, tỉnh Hưng Yên.

(Chị H1 có mặt và anh H2 vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vũ Thị H1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Quang H2 được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã Q, tỉnh Hưng Yên) ngày 18/02/2020. Trước khi kết hôn, chị và anh H2 đã thuê nhà chung sống như vợ chồng ở Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chuyển về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ chị tại xã Q. Vợ chồng anh chị chung sống và làm công nhân ở xã Q từ khi kết hôn đến nay. Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Nguyên nhân là do anh H2 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không quan tâm đến vợ con. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên bảo anh H2 nhưng anh H2 không thay đổi. Từ tháng 12 năm 2024 đến nay thì mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Quang H2.

- Về con chung: Chị và anh Vũ Quang H2 có 01 con chung là Vũ Huy H3, sinh ngày 02/5/2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh H2 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 16/12/2025 bị đơn anh Vũ Quang H2 trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H1 tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đông Tân (Nay là xã Q, tỉnh Hưng Yên) ngày 18/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở xã Đông Tân (Nay là xã Q, tỉnh Hưng Yên), trong thời gian chung sống anh chị có nảy sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên chị H1 gửi đơn xin ly hôn anh. Nhưng anh xác định mâu thuẫn không lớn và do còn bận mải nên anh chưa có thời gian nói chuyện và thống nhất với chị H1.

- Về con chung: Anh chị có một con chung, nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng.

- Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai là từ bỏ quyền của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H1 ly hôn anh Vũ Quang H2.
- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị là Vũ Huy H3, sinh ngày 02/5/2020.
- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Vũ Thị H1 pH2 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú tại Thành phố Hà Nội nhưng đã sinh sống, đăng ký tạm trú và làm việc tại xã Q từ năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi tạm trú và làm việc. Vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Vũ Quang H2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đông Tân (Nay là xã Q, tỉnh Hưng Yên) ngày 18/02/2020 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị H1 và anh H2 đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp dẫn đến việc chị H1 xin ly hôn anh H2. Tại phiên tòa chị H1 vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Vũ Quang H2. Tại bản tự khai, anh H2 không đưa ra quan điểm về việc chị H1 xin ly hôn anh, anh H2 trình bày sẽ về nói chuyện với chị H1 và sẽ đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng khi Tòa án nhiều lần triệu tập anh H2 đến Tòa án để hòa giải và xét xử anh H2 đều vắng mặt. Chứng tỏ anh H2 không còn thiết tha đoàn tụ với chị H1. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H1 và anh H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H1 được ly hôn anh H2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H1 và anh H2 xác định có 01 con chung là Vũ Huy H3, sinh ngày 02/5/2020. Ly hôn, anh H2 và chị H1 đều có nguyện vọng giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của anh chị là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H1 và anh H2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị H1 ly hôn anh Vũ Quang H2.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Vũ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị là Vũ Huy H3, sinh ngày 02/5/2020. Chị H1 cam kết đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vũ Quang H2 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Anh H2, chị H1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003887 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị H1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và anh H2 vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

